TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2023
V/v "Ly hôn giữa ông B và bà C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1177/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(ông B có đơn xin vắng mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2003 ông và bà Phạm Thị C đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2003. Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Á, sinh ngày 27-11-2002 và Lê Phạm Bình A, sinh ngày 30-01-2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông và bà C mặc dù còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay ông Bình x thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông B xác định ông và bà C có 02 con chung tên Lê Ngọc Á, sinh ngày 27-11-2002 và Lê Phạm Bình A, sinh ngày 30-01-2009. Hiện cháu Á đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà Phạm Thị C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà C biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông B nhưng bà C không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ngày 06-11-2023, cháu Lê Phạm Bình A có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng với cha.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn B bận việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Ông Lê Văn B bận đi làm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Phạm Thị C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 16-4-2003 (Giấy đăng ký số 15, quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn B và bà Phạm Thị C là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn B đối với bà Phạm Thị C, thấy rằng: Ông B trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông và bà C mặc dù còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Ông B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà C. Đối với bà Phạm Thị C, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bà C đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng bà C không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông B. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị C vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông B. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn B.

[2.3] Về nuôi con chung: Ông B xác định ông và bà C có 02 con chung tên Lê Ngọc Á, sinh ngày 27-11-2002 và Lê Phạm Bình A, sinh ngày 30-01-2009. Hiện cháu Á đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Xét thấy, cháu Lê Phạm Bình A hiện do ông B đang nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng là muốn sống cùng với cha. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Lê Phạm Bình A cho ông Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông B và bà C ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông B không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp giữa ông B và bà C có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn ông Lê Văn B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc "Ly hôn" đối với bà Phạm Thị C.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn B được ly hôn với bà Phạm Thị C.

2. Về quyền nuôi con chung: Ông Lê Văn B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Phạm Bình A, sinh ngày 30-01-2009.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông B không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Ông Lê Văn B xác định ông và bà C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006354 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Ông Lê Văn B đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm